

Số: **17** /2026/TT-BNV

Hà Nội, ngày **31** tháng **7** năm 2026

THÔNG TƯ

Ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 374/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 233/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 276/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Việc làm;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 374/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức dịch vụ việc làm công do cơ quan quản lý nhà nước về việc làm thành lập được giao các nhiệm vụ thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp (sau đây viết tắt là tổ chức dịch vụ việc làm công).

2. Các cơ quan quản lý nhà nước về việc làm, cơ quan bảo hiểm xã hội và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 3. Quy trình thực hiện các dịch vụ

Quy trình thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Nghị định số 374/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 4. Đơn giá dịch vụ

1. Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp được chia thành 05 nhóm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp áp dụng theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.
2. Thông tư số 17/2025/TT-BNV ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp đã được tiếp nhận hồ sơ hoặc đang trong quy trình giải quyết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá theo quy định tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ cho đến khi hoàn thành dịch vụ. Đối với kinh phí chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp năm 2026 đã được giao, phê duyệt, các trung tâm dịch vụ việc làm tiếp tục thực hiện, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định đến hết niên độ năm 2026.
4. Thủ trưởng các Bộ, ban, ngành Trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
5. Giao Cục Việc làm thường xuyên rà soát, tổng hợp và đánh giá các yếu tố làm thay đổi đơn giá, không còn phù hợp với thực tiễn để báo cáo Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật.
6. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kiến nghị và đề xuất thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nội vụ để được hướng dẫn, xem xét giải quyết. 

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ; Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ; Cổng pháp luật Việt Nam; Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, CVL (2b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Mạnh Khương

PHỤ LỤC I
PHÂN NHÓM ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VỀ SỬ DỤNG
QUỸ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP THEO TỈNH, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Thông tư số **47**/2026/TT-BNV ngày **31**/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Nhóm	1	2	3	4	5
Tỉnh/ Thành phố	TP. Hồ Chí Minh	Tây Ninh	Hải Phòng	Gia Lai	Lào Cai
		Đồng Nai	Phú Thọ	Cà Mau	Lạng Sơn
		Hà Nội	Đồng Tháp	Đắk Lắk	Quảng Ngãi
			Thanh Hóa	Nghệ An	Cao Bằng
			Cần Thơ	Quảng Ninh	Sơn La
			Vĩnh Long	Thái Nguyên	Quảng Trị
			Đà Nẵng	Huế	Lai Châu
			Ninh Bình	Lâm Đồng	Hà Tĩnh
			Bắc Ninh		Điện Biên
			Khánh Hòa		Tuyên Quang
			Hưng Yên		
			An Giang		



PHỤ LỤC II
ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG
QUỸ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

(Kèm theo Thông tư số **17**/2026/TT-BNV ngày **31**/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

I. ĐƠN GIÁ VÀ HỆ SỐ NHÓM DỊCH VỤ TƯ VẤN, GIỚI THIỆU VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO TỈNH, THÀNH PHỐ

1. Đơn giá dịch vụ

Đơn vị tính: nghìn đồng/lượt

STT	DỊCH VỤ	ĐƠN GIÁ
1	Dịch vụ tư vấn.	19,691
2	Dịch vụ giới thiệu việc làm.	51,616

2. Hệ số nhóm tỉnh, thành phố

Nhóm	Hệ số
1	0,62
2	1,00
3	1,63
4	2,06
5	2,86

II. ĐƠN GIÁ VÀ HỆ SỐ NHÓM DỊCH VỤ GIẢI QUYẾT HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG NGHỀ ĐỂ DUY TRÌ VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO TỈNH, THÀNH PHỐ

1. Đơn giá dịch vụ

Đơn vị tính: nghìn đồng/lượt

STT	DỊCH VỤ	ĐƠN GIÁ
1	Dịch vụ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.	317,241
2	Dịch vụ trả kết quả hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.	175,126

2. Hệ số nhóm tỉnh, thành phố

Nhóm	Hệ số
1	0,62
2	1,00
3	1,53
4	1,91
5	3,04

III. ĐƠN GIÁ VÀ HỆ SỐ NHÓM DỊCH VỤ GIẢI QUYẾT TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP THEO TỈNH, THÀNH PHỐ

1. Đơn giá dịch vụ

Đơn vị tính: nghìn đồng/lượt

STT	DỊCH VỤ	ĐƠN GIÁ
1	Dịch vụ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp.	79,800
2	Dịch vụ thông báo về việc tìm kiếm việc làm.	15,468
3	Dịch vụ tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp.	28,143
4	Dịch vụ tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp.	28,748
5	Dịch vụ chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp.	32,507
6	Dịch vụ chuyển và tiếp nhận chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp.	37,200

2. Hệ số nhóm tỉnh, thành phố

Nhóm	Hệ số
1	0,68
2	1,00
3	1,32
4	1,82
5	2,70



**IV. ĐƠN GIÁ VÀ HỆ SỐ DỊCH VỤ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT
HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA ĐÀO TẠO, NÂNG CAO
TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG NGHỀ THEO TỈNH, THÀNH PHỐ**

1. Đơn giá dịch vụ

Đơn vị tính: nghìn đồng/lượt

STT	DỊCH VỤ	ĐƠN GIÁ
1	Dịch vụ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề.	35,888
2	Dịch vụ trả kết quả hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề.	8,220

2. Hệ số nhóm tỉnh, thành phố

Nhóm	Hệ số
1	0,76
2	1,00
3	1,61
4	1,97
5	3,17

